

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỀU KIỆN
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA 09/2018, NGÀY THI 07/7/2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /QĐ-TTCNTT-TT ngày 10 tháng 7 năm 2018
của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông*

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI
					LT	TH		
1	cb18k9_001	Trần Thị An	25/07/1985	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	717989
2	cb18k9_002	Hoàng Thế Anh	10/04/1982	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	717990
3	cb18k9_003	Hoàng Văn Bi	10/09/1968	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	717991
4	cb18k9_004	Đỗ Lê Thanh Bình	10/01/1997	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	717992
5	cb18k9_005	Nguyễn Thị Thanh Bình	07/12/1982	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	717993
6	cb18k9_007	Nguyễn Thu Cúc	17/11/1995	Lào Cai	9,6	9,5	Đạt	717994
7	cb18k9_008	Trần Thị Cúc	23/06/1977	Hà Tĩnh	9,2	9,0	Đạt	717995
8	cb18k9_009	Trịnh Thị Đào	04/01/1988	Quảng Bình	6,3	9,5	Đạt	717996
9	cb18k9_010	Nguyễn Hữu Đăng	22/10/1976	Quảng Bình	7,5	9,5	Đạt	717997
10	cb18k9_011	Cái Thị Thùy Giang	08/10/1983	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	717998
11	cb18k9_012	Cao Thúy Hà	16/12/1993	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	717999
12	cb18k9_014	Nguyễn Thị Việt Hà	10/04/1984	Thừa Thiên Huế	7,5	8,5	Đạt	718000
13	cb18k9_015	Trần Thị Lệ Hà	11/06/1969	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	718001
14	cb18k9_016	Ngô Thế Hải	23/05/1974	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	718002
15	cb18k9_017	Lê Văn Hiền	16/06/1975	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	718003
16	cb18k9_018	Nguyễn Thị Phúc Hiền	30/08/1983	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	718004
17	cb18k9_019	Trần Chí Hiếu	06/02/1977	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	718005
18	cb18k9_020	Đỗ Minh Hùng	12/02/1970	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	718006
19	cb18k9_021	Hoàng Sơn Hùng	30/08/1976	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	718007
20	cb18k9_022	Phan Trọng Hùng	20/02/1984	Quảng Bình	8,8	8,0	Đạt	718008
21	cb18k9_023	Đoàn Quốc Huy	25/02/1966	Quảng Bình	10	8,5	Đạt	718009
22	cb18k9_024	Trần Đình Huy	28/02/1996	Quảng Bình	9,2	8,5	Đạt	718010

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI
						LT	TH		
23	cb18k9_026	Trần Xuân	Huỳnh	20/02/1971	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	718011
24	cb18k9_027	Nguyễn Thị	Hường	27/03/1978	Quảng Bình	8,8	8,0	Đạt	718012
25	cb18k9_028	Lê Công	Kim	12/10/1977	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	718013
26	cb18k9_029	Đỗ Thị Thanh	Lâm	15/12/1976	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	718014
27	cb18k9_030	Phạm Hoàng	Lâm	31/10/1973	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	718015
28	cb18k9_031	Nguyễn Thị Diệu	Linh	02/03/1989	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	718016
29	cb18k9_032	Trần Thị Ngọc	Loan	02/06/1990	Quảng Bình	7,9	8,5	Đạt	718017
30	cb18k9_033	Lê Thanh	Long	18/09/1982	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	718018
31	cb18k9_034	Đoàn Thị Kiều	Nga	16/11/1974	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	718019
32	cb18k9_035	Hoàng Thị	Nga	26/01/1987	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	718020
33	cb18k9_036	Nguyễn Thị	Nga	02/06/1983	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
34	cb18k9_037	Tạ Tố	Nga	21/12/1988	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	718022
35	cb18k9_039	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	20/11/1995	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	718023
36	cb18k9_040	Nguyễn Thị Hoàng	Ngọc	16/01/1988	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	718024
37	cb18k9_041	Trần Lệ	Ngọc	25/11/1989	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	718025
38	cb18k9_042	Trần	Nguyên	06/05/1987	Quảng Bình	9,6	9,5	Đạt	718026
39	cb18k9_043	Trần Thị	Nhàn	15/05/1990	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	718027
40	cb18k9_044	Nguyễn Tiến	Nhật	28/10/1982	Quảng Bình	7,9	8,5	Đạt	718028
41	cb18k9_045	Hoàng Thị Hà	Nhi	07/06/1989	Quảng Bình	7,5	9,5	Đạt	718029
42	cb18k9_046	Đặng Quỳnh	Như	11/10/1996	Quảng Bình	9,2	8,5	Đạt	718030
43	cb18k9_047	Mai Thị Thùy	Phú	06/09/1991	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	718031
44	cb18k9_048	Nguyễn Văn	Phúc	12/03/1996	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	718032
45	cb18k9_049	Hoàng Thị Lê	Phương	26/10/1982	Trước tên H. L. L.	7,9	8,0	Đạt	718033
46	cb18k9_050	Phạm Thị Lan	Phương	28/12/1990	Quảng Bình	10	10	Đạt	718034
47	cb18k9_051	Nguyễn Thị Hoài	Sương	26/04/1982	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	718035
48	cb18k9_052	Lê Thị Hồng	Tâm	16/03/1974	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	718036
49	cb18k9_053	Hoàng Minh	Tiến	29/05/1983	Quảng Bình	8,8	8,0	Đạt	718037

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI
					LT	TH		
50	cb18k9_054	Nguyễn Thị Tương	18/01/1982	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	718038
51	cb18k9_056	Đoàn Thị Bích Thao	28/02/1977	Quảng Trị	8,3	9,0	Đạt	718039
52	cb18k9_057	Lê Thị Bích Thảo	10/06/1986	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	718040
53	cb18k9_058	Nguyễn Thị Thúy Thảo	15/03/1983	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	718041
54	cb18k9_059	Nguyễn Công Thắng	26/09/1989	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	718042
55	cb18k9_060	Đoàn Chánh Thi	03/02/1980	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	718043
56	cb18k9_061	Nguyễn Thị Hương Thủy	05/06/1976	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	718044
57	cb18k9_062	Bùi Thị Diệu Thúy	12/04/1987	Quảng Bình	7,9	9,5	Đạt	718045
58	cb18k9_063	Đặng Ngọc Thuyền	21/10/1974	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	718046
59	cb18k9_064	Lê Thị Ái Thương	10/11/1972	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	718047
60	cb18k9_065	Bùi Xuân Thường	31/05/1982	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	718048
61	cb18k9_067	Cao Thị Huyền Trang	15/01/1987	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	718049
62	cb18k9_068	Nguyễn Thị Mai Trang	04/02/1982	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	718050
63	cb18k9_069	Nguyễn Văn Trị	26/06/1977	Quảng Bình	9,6	9,0	Đạt	718051
64	cb18k9_070	Bùi Văn Trọng	16/02/1981	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	718052
65	cb18k9_071	Lê Đức Trọng	06/07/1990	Quảng Bình	8,8	9,5	Đạt	718053
66	cb18k9_072	Lê Hoàng Trung	17/09/1989	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	718054
67	cb18k9_073	Bùi Thị Ái Vân	17/11/1973	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	718055
68	cb18k9_074	Ngô Thị Hồng Vân	08/07/1974	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	718056
69	cb18k9_075	Đoàn Thị Kiều Vinh	22/12/1983	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	718057
70	cb18k9_076	Lê Quang Vinh	12/05/1966	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	718058
71	cb18k9_077	Nguyễn Thị Lệ Vinh	26/09/1974	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	718059
72	cb18k9_078	Trần Bá Vũ	20/12/1985	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	718060
73	cb18k9_079	Bùi Thị Xuân	10/11/1978	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	718061
74	cb18k9_080	Đặng Thị Hải Yến	02/12/1983	Hà Tĩnh	7,9	9,0	Đạt	718062

(Ấn định danh sách này gồm 74 thí sinh)